



**DANH MỤC CÁC TRƯỜNG THÔNG TIN VÀ CẤU TRÚC DỮ LIỆU CỦA
CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘI, QUỸ, TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1074 /QĐ-BNV ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

I. Thông tin về Hội

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
	I. TỔ CHỨC HỘI					
	1. Biểu tượng, cấp tổ chức của Hội					
1	Cấp tổ chức	CapToChuc	x	Số	1	Cấp tổ chức theo danh mục: 0 - Trung ương 1 - Liên tỉnh 2 - Tỉnh, thành phố 3 - Xã, phường, đặc khu 4 - Khác
2	Phạm vi hoạt động của hội	PhamViHoatDongCuaHoi	x	Số	1	Phạm vi hoạt động của hội theo danh mục: 0 - Toàn quốc 1 - Liên tỉnh 2 - Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
						3 - Xã/Phường/Đặc khu
3	Là Hội Đảng nhà nước giao nhiệm vụ	LaHoiDangNhaNuocGiaoNhiemVu		Số	1	Đánh dấu tình trạng Hội Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ. 0 – Không là Hội Đảng nhà nước giao nhiệm vụ 1 – Là Hội Đảng nhà nước giao nhiệm vụ
4	Biểu tượng của Hội	BieuTuongCuaHoi		Tệp		Tệp ảnh logo của Hội.
	2. Tên gọi của Hội					
5	Tên tiếng Việt	TenTiengViet	X	Chuỗi	255	Tên gọi của Hội bằng tiếng Việt.
6	Tên tiếng Anh (nếu có)	TenTiengAn	X	Chuỗi	255	Tên gọi của Hội bằng tiếng Anh, nếu có.
7	Tên viết tắt (nếu có)	TenVietTat	X	Chuỗi	255	Tên viết tắt của Hội, nếu có.
	3. Quyết định (QĐ) thành lập					
8	Thời gian ban hành QĐ	ThoiGianBanHanhQD	X	Ngày		Ngày ban hành quyết định thành lập. Định dạng DD-MM-YYYY.
9	Số, ký hiệu QĐ thành lập	SoKyHieuQDThanhLap	X	Chuỗi	25	Số, ký hiệu quyết định thành lập.

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
10	Người ký Quyết định	NguoiKyQuyetDinhThanhLap		Chuỗi	255	Họ và tên người ký quyết định thành lập.
11	Cơ quan ban hành QĐ	CoQuanBanHanhQDThanhLap		Chuỗi	255	Cơ quan ban hành quyết định thành lập.
4. Quyết định phê duyệt Điều lệ nhiệm kỳ hiện tại						
12	Thời gian QĐ phê duyệt	ThoiGianQDPheDuyet		Ngày		Ngày ban hành quyết định phê duyệt Điều lệ. Định dạng DD-MM-YYYY.
13	Số, ký hiệu QĐ phê duyệt	SoKyHieuQDPheDuyet		Chuỗi	25	Số, ký hiệu quyết định phê duyệt Điều lệ.
14	Người ký Quyết định	NguoiKyQuyetDinhPheDuyet		Chuỗi	255	Họ và tên người ký quyết định thành lập.
15	Cơ quan ban hành QĐ	CoQuanBanHanhQD		Chuỗi	255	Cơ quan ban hành quyết định phê duyệt Điều lệ.
16	Thời gian tổ chức đại hội nhiệm kỳ kế tiếp	ThoiGianToChucDaiHoiNhiemKyKeTiep		Số	4	Năm dự kiến tổ chức đại hội nhiệm kỳ kế tiếp.
17	Tôn chỉ, mục đích của Hội	TonChiMucDichCuaHoi		Chuỗi	5000	Nội dung tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
18	Cơ quan quản lý lĩnh vực hoạt động chính của Hội	CoQuanQuanLyLinhVucHoatDon gChinh		Chuỗi	255	Giá trị lựa chọn của trường cơ quan quản lý lĩnh vực hoạt động chính của hội theo danh mục.
19	Lĩnh vực hoạt động chính	LinhVucHoatDongChinh		Chuỗi	255	Giá trị lựa chọn của trường lĩnh vực hoạt động chính theo danh mục. 0 - Thanh tra 1 - Xây dựng 2 - Công an 3 - Công Thương 4 - Dân tộc và Tôn giáo 5 - Giáo dục và Đào tạo 6 - Khoa học, Công nghệ 7 - Nông nghiệp và Môi trường 8 - Ngoại giao 9 - Nội vụ 10 - Quốc phòng 11 - Tài chính 12 - Tư pháp 13 - Văn hóa, thể thao và du lịch

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
						14 - Ngân hàng 15 - Y tế 16 - Những lĩnh vực khác
20	Tính chất hội	TinhChatHoi		Chuỗi	255	Giá trị lựa chọn của trường tính chất hội theo danh mục: 0 - Chính trị - xã hội - nghề nghiệp 1 - Chính trị - Xã hội 2 - Xã hội 3 - Xã hội - nghề nghiệp 4 - Hội đảng nhà nước giao nhiệm vụ 5 - Chưa xác định
21	Loại hình hội	LoaiHinhHoi		Chuỗi	25	Giá trị lựa chọn của trường loại hình hội theo danh mục. 0 - Liên minh 1 - Liên đoàn 2 - Hiệp hội 3 - Liên hiệp hội 4 - Hội

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
						5 - Tổng hội 6 - Câu lạc bộ 7 - Ủy ban 8 - Loại hình khác
	10. Trụ sở chính					
22	Tỉnh/Thành phố	TinhThanhPho		Chuỗi	255	Giá trị lựa chọn của trường tỉnh/thành phố theo danh mục.
23	Xã/Phường/Đặc khu	XaPhuongDacKhu		Chuỗi	255	Giá trị lựa chọn của trường xã/phường/đặc khu theo danh mục.
24	Số điện thoại	SoDienThoai		Chuỗi	15	Số điện thoại liên hệ của Hội.
25	Địa chỉ chi tiết	DiaChiChiTiet		Chuỗi	1025	Địa chỉ chi tiết của trụ sở chính.
26	Website	Website		Chuỗi	255	Địa chỉ website của Hội.
27	Email	Email		Chuỗi	255	Địa chỉ thư điện tử của Hội.
28	Mã số thuế	MaSoThue		Chuỗi	255	Mã số thuế của Hội.
	11. Số lượng hội viên					
29	Năm	Nam		Số	5	Năm thống kê số lượng hội viên.
	Hội viên chính thức					

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
30	Hội viên cá nhân - Hội viên mới kết nạp	HoiVienChinhThucHoiVienCaNhan HoiVienMoiKetNap		Số	15	Hội viên mới kết nạp thuộc nhóm hội viên cá nhân, hội viên chính thức trong năm.
31	Hội viên cá nhân - Hội viên khai trừ	HoiVienChinhThucHoiVienCaNhan HoiVienKhaiTru		Số	15	Hội viên khai trừ thuộc nhóm hội viên cá nhân, hội viên chính thức trong năm.
32	Hội viên tổ chức - Hội viên mới kết nạp	HoiVienChinhThucHoiVienToChuc HoiVienMoiKetNap		Số	15	Hội viên mới kết nạp thuộc nhóm hội viên tổ chức, hội viên chính thức trong năm.
33	Hội viên tổ chức - Hội viên khai trừ	HoiVienChinhThucHoiVienToChuc HoiVienKhaiTru		Số	15	Hội viên khai trừ thuộc nhóm hội viên tổ chức, hội viên chính thức trong năm.
	Hội viên danh dự					
34	Hội viên cá nhân - Hội viên mới kết nạp	HoiVienDanhDuHoiVienCaNhan HoiVienMoiKetNap		Số	15	Hội viên mới kết nạp thuộc nhóm hội viên cá nhân, hội viên danh dự trong năm.
35	Hội viên cá nhân - Hội viên khai trừ	HoiVienDanhDuHoiVienCaNhan HoiVienKhaiTru		Số	15	Hội viên khai trừ thuộc nhóm hội viên cá nhân, hội viên danh dự trong năm.

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
36	Hội viên tổ chức - Hội viên mới kết nạp	HoiVienDanhDuHoiVienToChuc HoiVienMoiKetNap		Số	15	Hội viên mới kết nạp thuộc nhóm hội viên tổ chức, hội viên danh dự trong năm.
37	Hội viên tổ chức - Hội viên khai trừ	HoiVienDanhDuHoiVienToChuc HoiVienKhaiTru		Số	15	Hội viên khai trừ thuộc nhóm hội viên tổ chức, hội viên danh dự trong năm.
	Hội viên liên kết					
38	Hội viên cá nhân - Hội viên mới kết nạp	HoiVienLienKetHoiVienCaNhan HoiVienMoiKetNap		Số	15	Hội viên mới kết nạp thuộc nhóm hội viên cá nhân, hội viên liên kết trong năm.
39	Hội viên cá nhân - Hội viên khai trừ	HoiVienLienKetHoiVienCaNhan HoiVienKhaiTru		Số	15	Hội viên khai trừ thuộc nhóm hội viên cá nhân, hội viên liên kết trong năm.
40	Hội viên tổ chức - Hội viên mới kết nạp	HoiVienLienKetHoiVienToChuc HoiVienMoiKetNap		Số	15	Hội viên mới kết nạp thuộc nhóm hội viên tổ chức, hội viên liên kết trong năm.
41	Hội viên tổ chức - Hội viên khai trừ	HoiVienLienKetHoiVienToChuc HoiVienKhaiTru		Số	15	Hội viên khai trừ thuộc nhóm hội viên tổ chức, hội viên liên kết trong năm.

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
12. Người làm việc tại Hội						
42	Năm	Nam		Số		Năm thống kê người làm việc tại Hội.
43	Tổng số người làm việc chuyên trách tại Hội	TongSoNguoiLamViecChuyenTra chTaiHoi		Số	15	Tổng số người làm việc chuyên trách tại Hội trong năm.
44	Tổng số biên chế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao	TongSoBienCheDuocCoQuanNha NuocCoThamQuyenGiao		Số	15	Tổng số biên chế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao.
45	Số người làm việc tại Hội do Hội tự hợp đồng	SoNguoiLamViecTaiHoiDoHoiT uHopDong		Số	15	Số người làm việc tại Hội theo hợp đồng do Hội tự thỏa thuận.
13. Các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội						
46	Tên đơn vị	TenDonVi		Chuỗi	255	Tên tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội.
47	Loại tổ chức	LoaiToChuc		Chuỗi	255	Loại tổ chức.
48	Tổ chức pháp nhân	ToChucPhapNhan		Chuỗi	255	Thông tin tổ chức pháp nhân.
49	Địa chỉ	DiaChi		Chuỗi	255	Địa chỉ của tổ chức.
50	Mã số thuế	MaSoThue		Chuỗi	25	Mã số thuế của tổ chức.

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
51	Điện thoại	DienThoai		Chuỗi	15	Số điện thoại của tổ chức.
52	Số Quyết định thành lập	SoQDThanhLap		Chuỗi	255	Số quyết định thành lập tổ chức.
53	Ngày quyết định	NgayQuyetDinh		Ngày		Ngày ban hành quyết định thành lập tổ chức. Định dạng DD-MM-YYYY.
54	Cơ quan ban hành quyết định	CoQuanBanHanhQuyetDinh		Chuỗi	255	Cơ quan ban hành quyết định thành lập tổ chức.
14. Quy chế, quy định nội bộ của Hội						
55	Tên quy chế, quy định nội bộ của Hội	TenQuyCheQuyDinhNoiBoCuaHoi		Chuỗi	2025	Tên quy chế hoặc quy định nội bộ của Hội.
56	Cơ quan, đơn vị ban hành	CoquanDonviBanHanh		Chuỗi	255	Tên cơ quan, đơn vị ban hành quy chế, quy định.
57	Ghi chú	GhiChu		Chuỗi	2025	Thông tin ghi chú.
II. CHỨC DANH LÃNH ĐẠO						
58	1. Các chức danh Lãnh đạo hội của Hội					
59	Họ và tên	HoVaTen		Chuỗi	255	Họ và tên người giữ chức danh.
60	Căn cước công dân	CanCuocCongDan		Chuỗi	12	Số căn cước công dân.
61	Giới tính	GioiTinh		Số	1	Lấy từ danh mục

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
						0 - Nam 1 - Nữ 2 - Khác
62	Ngày sinh	Ngaysinh		Ngày		Ngày, tháng, năm sinh
63	Chức danh	ChucDanh		Số	2	Lấy từ danh mục: 0 - Chánh Văn phòng 1 - Phó Chánh Văn phòng 2 - Viện trưởng 3 - Tổng biên tập 4 - Chi hội trưởng 5 - Chi hội phó 6 - Trưởng ban 7 - Phó Trưởng ban 8 - Trưởng phòng 9 - Phó Trưởng phòng 10 - Trưởng ban kiểm tra 11 - Ủy viên Ban Thường vụ 12 - Chủ tịch 13 - Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký Hội

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
						14 - Ủy viên Ban Chấp hành 15 - Giám đốc 16 - Phó giám đốc 17 - Khác
64	Cơ quan đang công tác	CoQuanDangCongTac		Chuỗi	255	Cơ quan nơi cá nhân đang công tác.
65	Chức danh, chức vụ cao nhất đã đảm nhiệm trong CQNN	Chucdanhchucvucaonhatdadamnh iemtrongCQNN		Chuỗi	128	Chức danh, chức vụ cao nhất đã từng đảm nhiệm trong cơ quan nhà nước
2. Các chức danh Ban chấp hành của Hội						
66	Họ và tên	HoVaTen		Chuỗi	255	Họ và tên người giữ chức danh.
67	Căn cước công dân	CanCuocCongDan		Chuỗi	12	Số căn cước công dân.
68	Giới tính	GioiTinh		Số	1	Lấy từ danh mục 0 - Nam 1 - Nữ 2 - Khác
69	Ngày sinh	Ngaysinh		Ngày		Ngày, tháng, năm sinh của thành viên
70	Chức danh	ChucDanh		Số	2	Lấy từ danh mục: 0 - Chánh Văn phòng

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
						1 - Phó Chánh Văn phòng 2 - Viện trưởng 3 - Tổng biên tập 4 - Chi hội trưởng 5 - Chi hội phó 6 - Trưởng ban 7 - Phó Trưởng ban 8 - Trưởng phòng 9 - Phó Trưởng phòng 10 - Trưởng ban kiểm tra 11 - Ủy viên Ban Thường vụ 12 - Chủ tịch 13 - Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký Hội 14 - Ủy viên Ban Chấp hành 15 - Giám đốc 16 - Phó giám đốc 17 - Khác
71	Cơ quan đang công tác	CoQuanDangCongTac		Chuỗi	255	Cơ quan nơi cá nhân đang công tác.

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
72	Chức danh, chức vụ cao nhất đã đảm nhiệm trong CQNN	Chucdanhchucvucaonhatdadamnh iemtrongCQNN		Chuỗi	128	Chức danh, chức vụ cao nhất đã từng đảm nhiệm trong cơ quan nhà nước
3. Các chức danh Ban thường vụ của Hội						
73	Họ và tên	HoVaTen		Chuỗi	255	Họ và tên người giữ chức danh.
74	Căn cước công dân	CanCuocCongDan		Chuỗi	12	Số căn cước công dân.
75	Giới tính	GioiTinh		Số	1	Lấy từ danh mục 0 - Nam 1 - Nữ 2 - Khác
76	Ngày sinh	Ngaysinh		Ngày		Ngày, tháng, năm sinh của thành viên
77	Chức danh	ChucDanh		Số	2	Lấy từ danh mục: 0 - Chánh Văn phòng 1 - Phó Chánh Văn phòng 2 - Viện trưởng 3 - Tổng biên tập 4 - Chi hội trưởng 5 - Chi hội phó

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
						6 - Trưởng ban 7 - Phó Trưởng ban 8 - Trưởng phòng 9 - Phó Trưởng phòng 10 - Trưởng ban kiểm tra 11 - Ủy viên Ban Thường vụ 12 - Chủ tịch 13 - Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký Hội 14 - Ủy viên Ban Chấp hành 15 - Giám đốc 16 - Phó giám đốc 17 - Khác
78	Cơ quan đang công tác	CoQuanDangCongTac		Chuỗi	255	Cơ quan nơi cá nhân đang công tác.
79	Chức danh, chức vụ cao nhất đã đảm nhiệm trong CQNN	Chucdanhchucvucaonhatdadamnh iemtrongCQNN		Chuỗi	128	Chức danh, chức vụ cao nhất đã từng đảm nhiệm trong cơ quan nhà nước
4. Các chức danh Ban kiểm tra của Hội						
80	Họ và tên	HoVaTen		Chuỗi	255	Họ và tên người giữ chức danh.

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
81	Căn cước công dân	CanCuocCongDan		Chuỗi	12	Số căn cước công dân.
82	Giới tính	GioiTinh		Số	1	Lấy từ danh mục 0 - Nam 1 - Nữ 2 - Khác
83	Ngày sinh	Ngaysinh		Ngày		Ngày, tháng, năm sinh của thành viên
84	Chức danh	ChucDanh		Số	2	Lấy từ danh mục: 0 - Trưởng ban 1 - Phó Trưởng ban 2 - Ủy viên
85	Cơ quan đang công tác	CoQuanDangCongTac		Chuỗi	255	Cơ quan nơi cá nhân đang công tác.
86	Chức danh, chức vụ cao nhất đã đảm nhiệm trong CQNN	Chucdanhchucvucaonhatdadamnh iemtrongCQNN		Chuỗi	128	Chức danh, chức vụ cao nhất đã từng đảm nhiệm trong cơ quan nhà nước
5. Các chức danh Lãnh đạo văn phòng của Hội						
87	Họ và tên	HoVaTen		Chuỗi	255	Họ và tên người giữ chức danh.
88	Căn cước công dân	CanCuocCongDan		Chuỗi	12	Số căn cước công dân.

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
89	Giới tính	GioiTinh		Số	1	Lấy từ danh mục 0 - Nam 1 - Nữ 2 - Khác
90	Ngày sinh	Ngaysinh		Ngày		Ngày, tháng, năm sinh của thành viên
91	Chức danh	ChucDanh		Số	2	Lấy từ danh mục: 0 - Chánh Văn phòng 1 - Phó Chánh Văn phòng
92	Cơ quan đang công tác	CoQuanDangCongTac		Chuỗi	255	Cơ quan nơi cá nhân đang công tác.
93	Chức danh, chức vụ cao nhất đã đảm nhiệm trong CQNN	Chucdanhchucvucaonhatdadamnh iemtrongCQNN		Chuỗi	128	Chức danh, chức vụ cao nhất đã từng đảm nhiệm trong cơ quan nhà nước
6. Lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn của Hội						
94	Họ và tên	HoVaTen		Chuỗi	255	Họ và tên người giữ chức danh.
95	Căn cước công dân	CanCuocCongDan		Chuỗi	12	Số căn cước công dân.
96	Giới tính	GioiTinh		Số	1	Lấy từ danh mục 0 - Nam

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
						1 - Nữ 2 - Khác
97	Ngày sinh	Ngaysinh		Ngày		Ngày, tháng, năm sinh của thành viên
98	Chức vụ	ChucDanh		Số	2	Lấy từ danh mục: 0 - Chánh Văn phòng 1 - Phó Chánh Văn phòng 2 - Viện trưởng 3 - Tổng biên tập 4 - Chi hội trưởng 5 - Chi hội phó 6 - Trưởng ban 7 - Phó Trưởng ban 8 - Trưởng phòng 9 - Phó Trưởng phòng 10 - Trưởng ban kiểm tra 11 - Ủy viên Ban Thường vụ 12 - Chủ tịch 13 - Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký Hội 14 - Ủy viên Ban Chấp hành

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
						15 - Giám đốc 16 - Phó giám đốc 17 - Khác
99	Đơn vị thuộc Hội	DonViThuocHoi		Chuỗi	255	Tên phòng, ban, đơn vị chuyên môn, tổ chức thuộc hội.
100	Chức danh, chức vụ cao nhất đã đảm nhiệm trong CQNN	Chucdanhchucvucaonhatdadamnh iemtrongCQNN		Chuỗi	128	Chức danh, chức vụ cao nhất đã từng đảm nhiệm trong cơ quan nhà nước
7. Lãnh đạo các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội						
101	Họ và tên	HoVaTen		Chuỗi	255	Họ và tên người giữ chức danh.
102	Căn cước công dân	CanCuocCongDan		Chuỗi	12	Số căn cước công dân.
103	Giới tính	GioiTinh		Số	1	Lấy từ danh mục 0 - Nam 1 - Nữ 2 - Khác
104	Ngày sinh	Ngaysinh		Ngày		Ngày, tháng, năm sinh của thành viên
105	Chức vụ	ChucDanh		Số	2	Lấy từ danh mục: 0 - Chánh Văn phòng

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
						1 - Phó Chánh Văn phòng 2 - Viện trưởng 3 - Tổng biên tập 4 - Chi hội trưởng 5 - Chi hội phó 6 - Trưởng ban 7 - Phó Trưởng ban 8 - Trưởng phòng 9 - Phó Trưởng phòng 10 - Trưởng ban kiểm tra 11 - Ủy viên Ban Thường vụ 12 - Chủ tịch 13 - Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký Hội 14 - Ủy viên Ban Chấp hành 15 - Giám đốc 16 - Phó giám đốc 17 - Khác
106	Đơn vị thuộc Hội	DonViThuocHoi		Chuỗi	255	Cơ quan nơi cá nhân đang công tác.

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
107	Chức danh, chức vụ cao nhất đã đảm nhiệm trong CQNN	Chucdanhchucvucaonhatdadamnh iemtrongCQNN		Chuỗi	128	Chức danh, chức vụ cao nhất đã từng đảm nhiệm trong cơ quan nhà nước
8. Lãnh đạo các chi hội, phân hội, tổ hội (Các đơn vị cơ sở thuộc hội)						
108	Họ và tên	HoVaTen		Chuỗi	255	Họ và tên người giữ chức danh.
109	Căn cước công dân	CanCuocCongDan		Chuỗi	12	Số căn cước công dân.
110	Giới tính	GioiTinh		Số	1	Lấy từ danh mục 0 - Nam 1 - Nữ 2 - Khác
111	Ngày sinh	Ngaysinh		Ngày		Ngày, tháng, năm sinh của thành viên
112	Chức vụ	ChucDanh		Số	2	Lấy từ danh mục: 0 - Chi hội trưởng 1 - Chi hội phó 2 - Khác
113	Chi hội, phân hội, tổ hội	ChihoiPhanhoiTohoi		Chuỗi	255	Tên chi hội, phân hội, tổ hội

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
114	Chức danh, chức vụ cao nhất đã đảm nhiệm trong CQNN	Chucdanhchucvucaonhatdadamnh iemtrongCQNN		Chuỗi	128	Chức danh, chức vụ cao nhất đã từng đảm nhiệm trong cơ quan nhà nước
	III. QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG					
	1. Quyết định thành lập Ban vận động của Hội					
115	Thời gian ban hành Quyết định	ThoiGianBanHanhQD		Ngày		Ngày ban hành quyết định thành lập Ban vận động. Định dạng DD-MM-YYYY.
116	Số, ký hiệu Quyết định thành lập Ban vận động	SoKyHieuQDThanhLap		Chuỗi	25	Số, ký hiệu quyết định thành lập Ban vận động.
117	Người ký Quyết định	NguoiKyQuyếtDinh		Chuỗi	255	Họ và tên người ký quyết định.
118	Cơ quan ban hành Quyết định	CoQuanBanHanhQD		Chuỗi	255	Cơ quan ban hành quyết định.
119	2. Danh sách người trong Ban vận động					
120	Họ tên	HoTen		Chuỗi	255	Họ và tên thành viên Ban vận động.
121	Căn cước công dân	CanCuocCongDan		Chuỗi	12	Số căn cước công dân.

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
122	Ngày sinh	NgaySinh		Ngày		Ngày sinh. Định dạng DD-MM-YYYY.
123	Quê quán	QueQuan		Chuỗi	1025	Quê quán.
124	Trình độ chuyên môn	TrinhDoChuyenMon		Chuỗi	255	Trình độ chuyên môn.
125	Chức danh trong Ban vận động	ChucDanhTrongBanVanDong		Chuỗi	255	Lấy từ danh mục: 0 – Trưởng ban 1 – Phó Trưởng ban 2 – Thành viên
126	3. Quá trình tổ chức đại hội					
127	Nhiệm kỳ	NhiemKy		Chuỗi	255	Nhiệm kỳ đại hội chọn từ danh mục
128	Thời gian bắt đầu	ThoiGianBatDau		Ngày		Thời gian bắt đầu nhiệm kỳ. Định dạng DD-MM-YYYY.
129	Thời gian kết thúc	ThoiGianKetThuc		Ngày		Thời gian kết thúc nhiệm kỳ. Định dạng DD-MM-YYYY.
130	Chủ tịch	ChuTich		Chuỗi	255	Chủ tịch của nhiệm kỳ.
131	Tổng thư ký	TongThuKy		Chuỗi	255	Tổng thư ký của nhiệm kỳ.

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
132	Ngày tổ chức	NgayToChuc		Ngày		Ngày tổ chức đại hội. Định dạng DD-MM-YYYY.
	4. Báo cáo hoạt động năm					
133	Năm	Nam		Số	5	Năm báo cáo hoạt động.
134	File đính kèm	FileDinhKem		Tệp		Tệp báo cáo hoạt động năm tương ứng.
	5. Tiếp nhận viện trợ không hoàn lại của nước ngoài					
135	Tên dự án/phi dự án	TenDuAnPhiDuAn		Chuỗi	255	Tên dự án hoặc phi dự án.
136	Đơn vị thực hiện	DonViThucHien		Chuỗi	255	Đơn vị thực hiện dự án/phi dự án.
137	Tên tổ chức viện trợ	TenToChucVienTro		Chuỗi	255	Tên tổ chức viện trợ.
138	Tổng vốn dự án (VNĐ)	TongVonDuAn		Số	25	Tổng vốn của dự án/phi dự án.
139	Vốn viện trợ	VonVienTro		Số	15	Giá trị vốn viện trợ.
140	Vốn đối ứng	VonDoiUng		Số	15	Giá trị vốn đối ứng.
141	Thời gian thực hiện	ThoiGianThucHien		Ngày		Thời gian bắt đầu thực hiện.
142	Thời gian kết thúc	ThoiGianKetThuc		Ngày		Thời gian kết thúc.

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
143	Tổng thời gian thực hiện	TongThoiGianThucHien		Chuỗi		Tổng thời gian thực hiện dự án/phi dự án.
144	Địa điểm triển khai	DiaDiemTrienKhai		Chuỗi		Địa điểm triển khai.
145	Hiện trạng triển khai	HienTrangTrienKhai		Chuỗi		Hiện trạng triển khai: chưa triển khai; đang triển khai; đã kết thúc.
IV. TÀI CHÍNH, TÀI SẢN						
1. Tài chính của Hội						
146	Năm	Nam		Số	5	Năm tài chính.
147	Ngân sách nhà nước hỗ trợ (VNĐ)	NganSachNhaNuocHoTroVND		Số	25	Giá trị ngân sách nhà nước hỗ trợ trong năm.
148	Nguồn kinh phí từ nước ngoài (VNĐ)	NguonKinhPhiTuNuocNgoaiVND		Số	25	Giá trị nguồn kinh phí từ nước ngoài trong năm.
149	Nguồn khác (VNĐ)	NguonKhacVND		Số	25	Giá trị nguồn kinh phí khác trong năm.
150	Tổng thu (VNĐ)	TongThuVND		Số	25	Tổng thu trong năm.
151	Tổng chi (VNĐ)	TongChiVND		Số	25	Tổng chi trong năm.
152	Diễn giải	DienGiai		Chuỗi	1025	Nội dung diễn giải tài chính.

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
2. Tài sản của Hội						
153	Năm	Nam		Số	5	Năm thống kê tài sản.
154	Tài sản hình thành từ ngân sách nhà nước (VNĐ)	TaiSanHinhThanhTuNganSachNhaNuocVND		Số	25	Giá trị tài sản hình thành từ ngân sách nhà nước.
155	Tài sản từ nguồn viện trợ và nguồn hợp pháp (VNĐ)	TaiSanTuNgonVienTroVaNguaonHopPhapVND		Số	25	Giá trị tài sản từ nguồn viện trợ và nguồn hợp pháp.
156	Tổng tài sản (VNĐ)	TongTaiSanVND		Số	25	Tổng giá trị tài sản.
157	Diễn giải	DienGiai		Chuỗi	1025	Nội dung diễn giải tài sản.
V. KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM						
1. Khen thưởng						
158	Năm	Nam		Số	5	Năm khen thưởng.
159	Quyết định khen thưởng	QuyetDinhKhenThuong		Chuỗi	255	Thông tin quyết định khen thưởng.
160	Hình thức khen thưởng	HinhThucKhenThuong		Số	255	Hình thức khen thưởng chọn từ danh mục:

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
						0 - Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ 1 - Huân chương Lao động Hạng Ba 2 - Huân chương Lao động Hạng Hai 3 - Huân chương Lao động Hạng Nhất 4 - Quà tặng 5 - Giải thưởng chuyên đề 6 - Kỷ niệm chương, huy hiệu 7 - Danh hiệu, chứng nhận 8 - Bằng khen, giấy khen 9 - Khác
161	Cấp có thẩm quyền khen thưởng	CapCoThamQuyenKhenThuong		Chuỗi	255	Cấp có thẩm quyền khen thưởng cho hội.
	2. Xử lý vi phạm					
162	Năm	Nam		Số	5	Năm xử lý vi phạm.
163	Quyết định kỷ luật	QuyetDinhKyLuat		Chuỗi	255	Thông tin quyết định kỷ luật.
164	Hình thức kỷ luật	HinhThucKyLuat		Số	5	Hình thức kỷ luật lấy từ danh mục 0 - Bãi nhiệm, cách chức

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
						1 - Tạm đình chỉ hoạt động 2 - Cảnh cáo bằng văn bản 3 - Khiển trách 4 - Nhắc nhở, cảnh cáo nội bộ 5 - Hình thức khác
165	Hành vi kỷ luật	HanhViKyLuat		Chuỗi	255	Hành vi kỷ luật.
166	Số trường hợp kỷ luật	SoTruongHopKyLuat		Số	4	Số trường hợp bị kỷ luật.
167	Số trường hợp giải quyết	SoTruongHopGiaiQuyet		Số	4	Số trường hợp đã giải quyết.
168	Cơ quan quyết định	CoQuanQuyetDinh		Chuỗi	255	Cơ quan ban hành quyết định kỷ luật.
3. Khen thưởng nội bộ						
169	Năm	Nam		Số	5	Năm khen thưởng nội bộ.
170	Quyết định khen thưởng	QuyetDinhKhenThuong		Chuỗi	255	Thông tin quyết định khen thưởng.
171	Hình thức khen thưởng	HinhThucKhenThuong		Chuỗi	255	Hình thức khen thưởng chọn từ danh mục: 0 - Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
						1 - Huân chương Lao động Hạng Ba 2 - Huân chương Lao động Hạng Hai 3 - Huân chương Lao động Hạng Nhất 4 - Quà tặng 5 - Giải thưởng chuyên đề 6 - Kỷ niệm chương, huy hiệu 7 - Danh hiệu, chứng nhận 8 - Bằng khen, giấy khen 9 - Khác
172	Cấp có thẩm quyền khen thưởng	CapCoThamQuyenvKhenThuong		Chuỗi	255	Cấp có thẩm quyền khen thưởng.
	4. Xử lý vi phạm nội bộ					
173	Năm	Nam		Số	5	Năm xử lý vi phạm.
174	Quyết định kỷ luật	QuyetDinhKyLuot		Chuỗi	255	Thông tin quyết định kỷ luật.
175	Hình thức kỷ luật	HinhThucKyLuot		Số	5	Hình thức kỷ luật lấy từ danh mục 0 - Bãi nhiệm, cách chức 1 - Tạm đình chỉ hoạt động 2 - Cảnh cáo bằng văn bản

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
						3 - Khiển trách 4 - Nhắc nhở, cảnh cáo nội bộ 5 - Hình thức khác
176	Hành vi kỷ luật	HanhViKyLuat		Chuỗi	255	Hành vi kỷ luật.
177	Số trường hợp kỷ luật	SoTruongHopKyLuat		Số	4	Số trường hợp bị kỷ luật.
178	Số trường hợp giải quyết	SoTruongHopGiaiQuyet		Số	4	Số trường hợp đã giải quyết.
179	Cơ quan quyết định	CoQuanQuyetDinh		Chuỗi	255	Cơ quan ban hành quyết định kỷ luật.

II. Thông tin về Quỹ

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
	I. TỔ CHỨC QUỸ					
	1. Thông tin chung, biểu tượng và cấp tổ chức của Quỹ					
1	Mã số quỹ	MaSoQuy		Chuỗi	50	Mã số của Quỹ.
2	Cấp tổ chức	CapToChuc		Số	1	Cấp tổ chức của Quỹ theo danh mục.

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
						0 - Trung ương 1 - Liên tỉnh 2 - Tỉnh, thành phố 3 - Xã, phường, đặc khu 4 - Khác
3	Phạm vi hoạt động của quỹ	PhamViHoatDongCuaQuy		Số	1	Phạm vi hoạt động của Quỹ theo danh mục. 0 - Toàn quốc 1 - Liên tỉnh 2 - Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương 3 - Xã/Phường/Đặc khu
4	Biểu tượng của Quỹ	BieuTuongCuaQuy		Tệp		Tệp ảnh biểu tượng/logo của Quỹ.
5	2. Tên gọi của Quỹ					
6	Tên tiếng Việt	TenTiengViet	x	Chuỗi	255	Tên gọi của Quỹ bằng tiếng Việt.
7	Tên tiếng Anh (nếu có)	TenTiengAnh		Chuỗi	255	Tên gọi của Quỹ bằng tiếng Anh, nếu có.
8	Tên viết tắt (nếu có)	TenVietTat		Chuỗi	255	Tên viết tắt của Quỹ, nếu có.
	3. Quyết định (QĐ) cấp giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ					

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
9	Số, ký hiệu Quyết định thành lập	SoKyHieuQDThanhLap	x	Chuỗi	25	Số, ký hiệu quyết định cấp giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ.
10	Thời gian ban hành Quyết định	ThoiGianBanHanhQD	x	Ngày		Ngày ban hành quyết định. Định dạng DD-MM-YYYY.
11	Cơ quan ban hành Quyết định	CoQuanBanHanhQD		Chuỗi	255	Cơ quan ban hành quyết định.
12	Người ký Quyết định	NguoiKyQuyetDinh		Chuỗi	255	Họ và tên người ký quyết định.
	4. Quyết định công nhận Quỹ đủ điều kiện hoạt động					
13	Số, ký hiệu Quyết định công nhận	SoKyHieuQDCongNhan		Chuỗi	25	Số, ký hiệu quyết định công nhận Quỹ đủ điều kiện hoạt động.
14	Thời gian Quyết định công nhận	ThoiGianQDCongNhan		Ngày		Ngày ban hành quyết định công nhận. Định dạng DD-MM-YYYY.
15	Cơ quan ban hành Quyết định công nhận	CoQuanBanHanhQDCongNhan		Chuỗi	255	Cơ quan ban hành quyết định công nhận.
16	Người ký Quyết định	NguoiKyQuyetDinh		Chuỗi	255	Họ và tên người ký quyết định công nhận.
17	Năm	Nam		Số	4	Năm của quyết định công nhận.
	5. Quyết định công nhận thành viên Hội đồng quản lý Quỹ					

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
18	Số, ký hiệu Quyết định công nhận	SoKyHieuQDCongNhan		Chuỗi	25	Số, ký hiệu quyết định công nhận thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.
19	Thời gian Quyết định công nhận	ThoiGianQDCongNhan		Ngày		Ngày ban hành quyết định công nhận. Định dạng DD-MM-YYYY.
20	Cơ quan ban hành Quyết định công nhận	CoQuanBanHanhQDCongNhan		Chuỗi	255	Cơ quan ban hành quyết định công nhận.
21	Người ký Quyết định	NguoiKyQuyietDinh		Chuỗi	255	Họ và tên người ký quyết định công nhận.
22	Năm kết thúc nhiệm kỳ của hội đồng quản lý quỹ	Nam		Số	4	Năm kết thúc nhiệm kỳ của hội đồng quản lý quỹ
23	Tôn chỉ, mục đích của Quỹ	TonChiMucDichCuaQuy		Chuỗi	5000	Nội dung tôn chỉ, mục đích hoạt động của Quỹ.
24	Cơ quan quản lý lĩnh vực hoạt động chính của Quỹ	CoQuanQuanLyLinhVucHoatDongChinhCuaQuy		Chuỗi	255	Giá trị lựa chọn của trường cơ quan quản lý lĩnh vực hoạt động chính của Quỹ theo danh mục.
25	Lĩnh vực hoạt động chính	LinhVucHoatDongChinh		Số	2	Giá trị lựa chọn của trường lĩnh vực hoạt động chính theo danh mục. 0 - Thanh tra 1 - Xây dựng

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
						2 - Công an 3 - Công Thương 4 - Dân tộc và Tôn giáo 5 - Giáo dục và Đào tạo 6 - Khoa học, Công nghệ 7 - Nông nghiệp và Môi trường 8 - Ngoại giao 9 - Nội vụ 10 - Quốc phòng 11 - Tài chính 12 - Tư pháp 13 - Văn hóa, thể thao và du lịch 14 - Ngân hàng 15 - Y tế 16 - Những lĩnh vực khác
26	Tính chất quỹ	TinhChatQuỹ		Số	2	Giá trị lựa chọn của trường tính chất Quỹ theo danh mục. 0 - Quỹ từ thiện 1 - Quỹ xã hội 2 - Quỹ xã hội và từ thiện

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
						3 - Chưa xác định
	10. Trụ sở chính					
27	Tỉnh/Thành phố	TinhThanhPho		Chuỗi	255	Giá trị lựa chọn tỉnh/thành phố theo danh mục.
28	Xã/Phường/Đặc khu	XaPhuongDacKhu		Chuỗi	255	Giá trị lựa chọn xã/phường/đặc khu theo danh mục.
29	Địa chỉ chi tiết	DiaChiChiTiet		Chuỗi	1025	Địa chỉ chi tiết của trụ sở chính.
30	Số điện thoại	SoDienThoai		Chuỗi	15	Số điện thoại liên hệ của Quỹ.
31	Email	Email		Chuỗi	255	Địa chỉ thư điện tử của Quỹ.
32	Website	Website		Chuỗi	255	Địa chỉ website của Quỹ.
33	Mã số thuế	MaSoThue		Chuỗi	25	Mã số thuế của Quỹ.
	11. Các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Quỹ					
34	Tên tổ chức	TenToChuc	x	Chuỗi	255	Tên tổ chức thuộc Quỹ.
35	Loại tổ chức	LoaiToChuc	x	Chuỗi	255	Loại tổ chức thuộc Quỹ.
36	Tư cách pháp nhân	TuCachPhapNhan	x	Chuỗi	255	Thông tin tư cách pháp nhân của tổ chức.
37	Địa chỉ	DiaChi		Chuỗi	1025	Địa chỉ của tổ chức.
38	Mã số thuế	MaSoThue		Chuỗi	25	Mã số thuế của tổ chức.
39	Số điện thoại	SoDienThoai		Chuỗi	15	Số điện thoại của tổ chức.

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
40	Số QĐ thành lập	SoQDThanhLap		Chuỗi	255	Số quyết định thành lập tổ chức.
41	Ngày quyết định	NgayQuyếtDinh		Ngày		Ngày ban hành quyết định thành lập tổ chức. Định dạng DD-MM-YYYY.
42	Cơ quan ban hành QĐ thành lập	CoQuanBanHanhQDThanhLap		Chuỗi	255	Cơ quan ban hành quyết định thành lập tổ chức.
43	Ghi chú	GhiChu		Chuỗi	2025	Thông tin ghi chú.
12. Quy chế, quy định						
44	Tên quy chế, quy định	TenQuyCheQuyDinh	x	Chuỗi	2025	Tên quy chế hoặc quy định của Quỹ.
45	Thẩm quyền ban hành	ThamQuyênBanHanh	x	Chuỗi	255	Thẩm quyền ban hành quy chế, quy định.
46	Ghi chú	GhiChu		Chuỗi	2025	Thông tin ghi chú.
II. CHỨC DANH LÃNH ĐẠO						
1. Các chức danh lãnh đạo của Quỹ						
47	Họ và tên	HoVaTen		Chuỗi	255	Họ và tên người giữ chức danh.
48	Căn cước công dân	CanCuocCongDan		Chuỗi	12	Số căn cước công dân.
49	Giới tính	GioiTinh		Số	1	Giới tính theo danh mục. 0 - Nam 1 - Nữ 2 - Khác

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
50	Ngày sinh	Ngaysinh		Ngày		Ngày, tháng, năm sinh
51	Chức danh	ChucDanh		Chuỗi	255	Chức danh của cá nhân.
52	Cơ quan đang công tác	CoQuanDangCongTac		Chuỗi	255	Cơ quan nơi cá nhân đang công tác.
53	Chức danh, chức vụ cao nhất đã đảm nhiệm trong CQNN	Chucdanhchucvucaonhatdadamnh iemtrongCQNN		Chuỗi	128	Chức danh, chức vụ cao nhất đã từng đảm nhiệm trong cơ quan nhà nước
54	Ghi chú	GhiChu		Chuỗi	2025	Thông tin ghi chú.
2. Ban sáng lập của Quỹ						
55	Họ và tên	HoVaTen		Chuỗi	255	Họ và tên người giữ chức danh.
56	Căn cước công dân	CanCuocCongDan		Chuỗi	12	Số căn cước công dân.
57	Giới tính	GioiTinh		Số	1	Giới tính theo danh mục. 0 - Nam 1 - Nữ 2 - Khác
58	Ngày sinh	Ngaysinh		Ngày		Ngày, tháng, năm sinh
59	Chức danh	ChucDanh		Chuỗi	255	Chức danh của cá nhân.
60	Cơ quan đang công tác	CoQuanDangCongTac		Chuỗi	255	Cơ quan nơi cá nhân đang công tác.

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
61	Chức danh, chức vụ cao nhất đã đảm nhiệm trong CQNN	Chucdanhchucvucaonhatdadamnh iemtrongCQNN		Chuỗi	128	Chức danh, chức vụ cao nhất đã từng đảm nhiệm trong cơ quan nhà nước
62	Ghi chú	GhiChu		Chuỗi	2025	Thông tin ghi chú.
	3. Hội đồng quản lý của Quỹ					
63	Họ và tên	HoVaTen		Chuỗi	255	Họ và tên người giữ chức danh.
64	Căn cước công dân	CanCuocCongDan		Chuỗi	12	Số căn cước công dân.
65	Giới tính	GioiTinh		Số	1	Giới tính theo danh mục. 0 - Nam 1 - Nữ 2 - Khác
66	Ngày sinh	Ngaysinh		Ngày		Ngày, tháng, năm sinh
67	Chức danh	ChucDanh		Chuỗi	255	Chức danh của cá nhân.
68	Cơ quan đang công tác	CoQuanDangCongTac		Chuỗi	255	Cơ quan nơi cá nhân đang công tác.
69	Chức danh, chức vụ cao nhất đã đảm nhiệm trong CQNN	Chucdanhchucvucaonhatdadamnh iemtrongCQNN		Chuỗi	128	Chức danh, chức vụ cao nhất đã từng đảm nhiệm trong cơ quan nhà nước
70	Ghi chú	GhiChu		Chuỗi	2025	Thông tin ghi chú.
	4. Ban Kiểm soát của Quỹ					

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
71	Họ và tên	HoVaTen		Chuỗi	255	Họ và tên người giữ chức danh.
72	Căn cước công dân	CanCuocCongDan		Chuỗi	12	Số căn cước công dân.
73	Giới tính	GioiTinh		Số	1	Giới tính theo danh mục. 0 - Nam 1 - Nữ 2 - Khác
74	Ngày sinh	Ngaysinh		Ngày		Ngày, tháng, năm sinh
75	Chức danh	ChucDanh		Chuỗi	255	Chức danh của cá nhân.
76	Cơ quan đang công tác	CoQuanDangCongTac		Chuỗi	255	Cơ quan nơi cá nhân đang công tác.
77	Chức danh, chức vụ cao nhất đã đảm nhiệm trong CQNN	Chucdanhchucvucaonhatdadamnh iemtrongCQNN		Chuỗi	128	Chức danh, chức vụ cao nhất đã từng đảm nhiệm trong cơ quan nhà nước
78	Ghi chú	GhiChu		Chuỗi	2025	Thông tin ghi chú.
5. Lãnh đạo tổ chức có tư cách pháp nhân						
79	Họ và tên	HoVaTen		Chuỗi	255	Họ và tên người giữ chức danh.
80	Căn cước công dân	CanCuocCongDan		Chuỗi	12	Số căn cước công dân.
81	Giới tính	GioiTinh		Số	1	Giới tính theo danh mục. 0 - Nam

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
						1 - Nữ 2 - Khác
82	Ngày sinh	Ngaysinh		Ngày		Ngày, tháng, năm sinh
83	Chức danh	ChucDanh		Chuỗi	255	Chức danh của cá nhân.
84	Tên tổ chức có tư cách pháp nhân đang công tác	CoQuanDangCongTac		Chuỗi	255	Nơi cá nhân đang công tác.
85	Chức danh, chức vụ cao nhất đã đảm nhiệm trong CQNN	Chucdanhchucvucaonhatdadamnh iemtrongCQNN		Chuỗi	128	Chức danh, chức vụ cao nhất đã từng đảm nhiệm trong cơ quan nhà nước
86	Ghi chú	GhiChu		Chuỗi	2025	Thông tin ghi chú.
III. QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG						
1. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý quỹ						
87	Nhiệm kỳ	NhiemKy		Chuỗi	255	Nhiệm kỳ đại hội.
88	Thời gian bắt đầu	ThoiGianBatDau		Ngày		Thời gian bắt đầu nhiệm kỳ. Định dạng DD-MM-YYYY.
89	Thời gian kết thúc	ThoiGianKetThuc		Ngày		Thời gian kết thúc nhiệm kỳ. Định dạng DD-MM-YYYY.
90	Chủ tịch	ChuTich		Chuỗi	255	Chủ tịch của nhiệm kỳ.
91	Giám đốc Quỹ	GiamDocQuy		Chuỗi	255	Giám đốc Quỹ của nhiệm kỳ.

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
2. Báo cáo hoạt động năm						
92	Năm	Nam		Số	4	Năm báo cáo hoạt động.
93	Đính kèm tệp báo cáo hoạt động năm			Tệp		
3. Tiếp nhận viện trợ không hoàn lại của nước ngoài						
94	Tên dự án/Phi dự án	TenDuAnPhiDuAn	x	Chuỗi	255	Tên dự án hoặc phi dự án.
95	Đơn vị thực hiện	DonViThucHien	x	Chuỗi	255	Đơn vị thực hiện dự án/phi dự án.
96	Tên tổ chức viện trợ	TenToChucVienTro		Chuỗi	255	Tên tổ chức viện trợ.
97	Tổng vốn dự án (VNĐ)	TongVonDuAn		Số	25	Tổng vốn của dự án/phi dự án.
98	Vốn viện trợ	VonVienTro		Số	25	Giá trị vốn viện trợ.
99	Vốn đối ứng	VonDoiUng		Số	25	Giá trị vốn đối ứng.
100	Thời gian thực hiện	ThoiGianThucHien	x	Ngày		Thời gian bắt đầu thực hiện. Định dạng DD-MM-YYYY.
101	Thời gian kết thúc	ThoiGianKetThuc	x	Ngày		Thời gian kết thúc. Định dạng DD-MM-YYYY.
102	Tổng thời gian thực hiện	TongThoiGianThucHien	x	Chuỗi	255	Tổng thời gian thực hiện dự án/phi dự án.

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
103	Địa điểm triển khai	DiaDiemTrienKhai		Chuỗi	1025	Địa điểm triển khai.
104	Hiện trạng triển khai	HienTrangTrienKhai		Chuỗi	2025	Hiện trạng triển khai: chưa triển khai; đang triển khai; đã kết thúc.
IV. TÀI CHÍNH, TÀI SẢN						
1. Tài sản của Quỹ						
105	Tài sản của Quỹ (VNĐ)	TaiSanCuaQuy		Số	25	Tổng giá trị tài sản của Quỹ.
106	Nguồn thu của Quỹ (VNĐ)	NguonThuCuaQuy		Số	25	Tổng nguồn thu của Quỹ.
2. Tài chính của Quỹ						
107	Năm	Nam		Số	4	Năm tài chính.
108	Kinh phí năm trước chuyển sang (VNĐ)	KinhPhiNamTruocChuyenSang		Số	25	Kinh phí từ năm trước chuyển sang.
109	Số thu phát sinh trong năm (VNĐ)	SoThuPhatSinhTrongNam		Số	25	Số thu phát sinh trong năm.
110	Thu từ đóng góp tự nguyện, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước	Thutudonggoptunguyentaitrocuato chuccanhantrongnuoc		Số	25	Thu từ đóng góp tự nguyện, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
111	Thu từ đóng góp tự nguyện, tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài	Thutudonggoptunguyentaitrocuato chuccanhannuocngoai		Số	25	Thu từ đóng góp tự nguyện, tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài
112	Ngân sách nhà nước hỗ trợ	Ngansachnhanuochotro		Số	25	Ngân sách nhà nước hỗ trợ
113	Thu từ các nguồn khác	Thutucacnguồnkha		Số	25	Thu từ các nguồn khác (ví dụ: lãi từ tiền gửi ngân hàng,..)
114	Tổng thu trong năm (VNĐ)	TongThuTrongNam		Số	25	Tổng thu trong năm.
115	Tổng chi trong năm (VNĐ)	TongChiTrongNam		Số	25	Tổng chi trong năm.
116	Chi cho các hoạt động quỹ	Chichocachotdongquy		Số	25	Chi cho các hoạt động quỹ
117	Chi cho hoạt động quản lý quỹ	Chichohoatdongquanlyquy		Số	25	Chi cho hoạt động quản lý quỹ
118	Số dư còn lại trong năm (VNĐ)	SoDuConLaiTrongNam		Số	25	Số dư còn lại trong năm.
119	Ghi chú	Ghichu				
	V. KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM					
	1. Khen thưởng					

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
120	Năm	Nam		Số	5	Năm khen thưởng.
121	Quyết định khen thưởng	QuyetDinhKhenThuong		Chuỗi	255	Thông tin quyết định khen thưởng.
122	Hình thức khen thưởng	HinhThucKhenThuong		Số	255	Hình thức khen thưởng chọn từ danh mục: 0 - Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ 1 - Huân chương Lao động Hạng Ba 2 - Huân chương Lao động Hạng Hai 3 - Huân chương Lao động Hạng Nhất 4 - Quà tặng 5 - Giải thưởng chuyên đề 6 - Kỷ niệm chương, huy hiệu 7 - Danh hiệu, chứng nhận 8 - Bằng khen, giấy khen 9 - Khác
123	Cấp có thẩm quyền khen thưởng	CapCoThamQuyenKhenThuong		Chuỗi	255	Cấp có thẩm quyền khen thưởng cho hội.

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
2. Xử lý vi phạm						
124	Năm	Nam		Số	5	Năm xử lý vi phạm.
125	Quyết định kỷ luật	QuyetDinhKyLuat		Chuỗi	255	Thông tin quyết định kỷ luật.
126	Hình thức kỷ luật	HinhThucKyLuat		Số	5	Hình thức kỷ luật lấy từ danh mục 0 - Bãi nhiệm, cách chức 1 - Tạm đình chỉ hoạt động 2 - Cảnh cáo bằng văn bản 3 - Khiển trách 4 - Nhắc nhở, cảnh cáo nội bộ 5 - Hình thức khác
127	Hành vi kỷ luật	HanhViKyLuat		Chuỗi	255	Hành vi kỷ luật.
128	Số trường hợp kỷ luật	SoTruongHopKyLuat		Số	4	Số trường hợp bị kỷ luật.
129	Số trường hợp giải quyết	SoTruongHopGiaiQuyet		Số	4	Số trường hợp đã giải quyết.
130	Cơ quan quyết định	CoQuanQuyetDinh		Chuỗi	255	Cơ quan ban hành quyết định kỷ luật.
3. Khen thưởng nội bộ						
131	Năm	Nam		Số	5	Năm khen thưởng nội bộ.

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
132	Quyết định khen thưởng	QuyetDinhKhenThuong		Chuỗi	255	Thông tin quyết định khen thưởng.
133	Hình thức khen thưởng	HinhThucKhenThuong		Chuỗi	255	Hình thức khen thưởng chọn từ danh mục: 0 - Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ 1 - Huân chương Lao động Hạng Ba 2 - Huân chương Lao động Hạng Hai 3 - Huân chương Lao động Hạng Nhất 4 - Quà tặng 5 - Giải thưởng chuyên đề 6 - Kỷ niệm chương, huy hiệu 7 - Danh hiệu, chứng nhận 8 - Bằng khen, giấy khen 9 - Khác
134	Cấp có thẩm quyền khen thưởng	CapCoThamQuyenKhenThuong		Chuỗi	255	Cấp có thẩm quyền khen thưởng.
	4. Xử lý vi phạm nội bộ					

TT	Tên trường dữ liệu	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
135	Năm	Nam		Số	5	Năm xử lý vi phạm.
136	Quyết định kỷ luật	QuyetDinhKyLuat		Chuỗi	255	Thông tin quyết định kỷ luật.
137	Hình thức kỷ luật	HinhThucKyLuat		Số	5	Hình thức kỷ luật lấy từ danh mục 0 - Bãi nhiệm, cách chức 1 - Tạm đình chỉ hoạt động 2 - Cảnh cáo bằng văn bản 3 - Khiển trách 4 - Nhắc nhở, cảnh cáo nội bộ 5 - Hình thức khác
138	Hành vi kỷ luật	HanhViKyLuat		Chuỗi	255	Hành vi kỷ luật.
139	Số trường hợp kỷ luật	SoTruongHopKyLuat		Số	4	Số trường hợp bị kỷ luật.
140	Số trường hợp giải quyết	SoTruongHopGiaiQuyet		Số	4	Số trường hợp đã giải quyết.
141	Cơ quan quyết định	CoQuanQuyetDinh		Chuỗi	255	Cơ quan ban hành quyết định kỷ luật.